

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hằng;
2. Ông Phạm Văn Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim T, sinh năm: 1982; địa chỉ: Hẻm A, đường L, khu phố A, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

- Bị đơn: Ông Bui Duc N, sinh năm: 1973;

Địa chỉ thường trú: 3600 Indian Creek W . H4 Clarkston, GA C, Hoa Kỳ.

Chỗ ở hiện nay: 3307 Preston Club Dr Sherman T.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Thị Kim T trình bày:

Bà Phan Thị Kim T và ông Bui Duc N tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đăng ký kết hôn với ông B Duc Ngoc theo Giấy chứng nhận kết hôn số 383, quyền số 02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp ngày 12/12/2014.

Sau khi đăng ký kết hôn, bà Phan Thị Kim T và ông Bui Duc N dọn về nhà của ông Bui Duc N tại số E, đường Đ, phường P, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống. Vì ông Bui Duc N là người Việt Nam định cư ở nước ngoài nên bà T và ông N chung sống hạnh phúc được gần 01 tháng thì ông N trở về Hoa Kỳ để tiếp tục sinh sống và làm việc. Khoảng 02 năm ông N trở về Việt Nam một lần. Sau đó sống được một thời gian, ông N luôn tìm cách né tránh bà T. Năm 2019 bà T chuyển hộ khẩu thường trú về khu phố A, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận để sinh sống và làm việc.

Đến nay tình cảm giữa bà T và ông N ngày càng phai nhạt, hết yêu thương nhau, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẻ với nhau và không còn chung sống với nhau. Hiện nay, bà T sống tại Việt Nam còn ông N sống tại Hoa Kỳ. Bà Phan Thị Kim T xác định tình cảm với ông Bui Duc N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Bui Duc N.

Về con chung và tài sản chung cũng như nợ chung bà Phan Thị Kim T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Bui Duc N, quá trình giải quyết vụ án Tòa án có nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông N nhưng chưa được chứng nhận lãnh sự. Sau đó Tòa án đã ủy thác tư pháp cho Công ty A, Hoa Kỳ tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Bui Duc N và Tòa án đã nhận được kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo Công văn số 3617/BTP-PLQT ngày 22/11/2024 của Bộ Tư pháp với nội dung: Cơ quan có thẩm quyền của H chúng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 14/9/2024 bằng phương thức: Chuyển cho người sống chung cùng đương sự.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim T về việc ly hôn với ông Bui Duc N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim T, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông Bui Duc N hiện đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị Kim T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông Bui Duc N đã được Tòa án thông báo hợp lệ thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt, ông N có văn bản trình bày ý kiến của ông N vào ngày 09/3/2024 nhưng chưa được hợp pháp hóa lãnh sự. Sau đó Tòa án đã ủy thác tư pháp cho Công ty A, Hoa Kỳ tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Bui Duc N và Tòa án đã nhận được kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo Công văn số 3617/BTP-PLQT ngày 22/11/2024 của Bộ Tư pháp với nội dung: Cơ quan có thẩm quyền của H chúng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 14/9/2024 bằng phương thức: Chuyển cho người sống chung cùng đương sự. Việc vắng mặt của ông Bui Duc N không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Phan Thị Kim T, ông Bui Duc N.

[3] Về nội dung tranh chấp ly hôn: Bà Phan Thị Kim T và ông Bui Duc N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 383, quyền số 02/2014, ngày 12/12/2014.

Sau khi đăng ký kết hôn, bà Phan Thị Kim T và ông Bui Duc N dọn về nhà của ông Bui Duc N tại số E, đường Đ, phường P, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống. Vì ông Bui Duc N là người Việt Nam định cư ở nước ngoài nên bà T và ông N chung sống hạnh phúc được gần 01 tháng thì ông N trở về Hoa Kỳ để tiếp tục sinh sống và làm việc. Khoảng 02 năm ông N trở về Việt Nam một lần. Sau đó ông N không liên lạc với bà T và luôn tìm cách né tránh.

Xét thấy, về tình trạng hôn nhân của vợ chồng không còn chung sống với nhau, cách nhau về khoảng cách địa lý, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, hôn nhân của bà Phan Thị Kim T và ông Bui Duc N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đủ điều kiện để giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho bà T được ly hôn với ông N.

[4] Về con chung và tài sản chung cũng như nợ chung bà Phan Thị Kim T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Phan Thị Kim T phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí thực hiện ủy thác tư pháp tại Hoa Kỳ là 95 đô la Mỹ và 2.850.000 đồng chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp, bà T đã nộp đủ.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị Kim T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 469; điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim T.

Bà Phan Thị Kim T ly hôn với ông Bui Duc N.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000068 ngày 12/11/2023.

3. Về lệ phí, chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Phan Thị Kim T phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, được trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000318 ngày 07/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận; Các chi phí thực hiện ủy thác tại Hoa Kỳ là 95 đô la Mỹ và 2.850.000 đồng chi phí

dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp, bà Phan Thị Kim T đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo đối với ông Bui Duc N là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- UBND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái